

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Ngày 16 tháng 6 năm 2022

Số: 2.0108/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.774.700.587	448.988.305.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.012.198.445	61.612.071.652
1. Tiền	111		12.012.198.445	13.612.071.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	48.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.000.000.000	138.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	145.000.000.000	138.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421.332.408.116	233.886.489.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	413.240.846.038	225.254.749.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.383.245.912	1.954.001.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.362.223.909	7.227.937.697
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(653.907.743)	(550.199.281)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.096.217.340	12.916.648.263
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.096.217.340	12.916.648.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.333.876.686	2.573.096.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.391.159.089	1.503.997.909
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.942.717.597	1.069.098.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		431.588.447.110	455.761.567.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.991.300.000	19.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.991.300.000	19.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		244.068.740.252	265.824.626.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	221.945.394.142	242.955.607.331
<i>Nguyên giá</i>	222		839.328.683.091	834.644.031.244
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(617.383.288.949)	(591.688.423.913)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.123.346.110	22.869.018.766
<i>Nguyên giá</i>	228		28.691.911.391	28.691.911.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.568.565.281)	(5.822.892.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.408.141.075	2.956.427.324
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.408.141.075	2.956.427.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	134.534.134.514	136.668.420.885
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.440.000.000	21.440.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.120.000.000	97.120.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.505.345.486)	(8.371.059.115)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.586.131.269	30.320.793.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	31.586.131.269	30.320.793.521
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.059.363.147.697	904.749.873.792

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		466.268.517.162	353.820.832.473
I. Nợ ngắn hạn	310		428.325.190.406	299.311.599.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	280.119.425.732	176.433.624.007
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		507.226.395	332.767.062
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.064.023.975	12.991.135.827
4. Phải trả người lao động	314		31.117.950.761	24.690.601.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20.216.180.907	22.617.860.065
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	33.617.934.274	37.299.136.840
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	32.249.712.000	7.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	18.432.736.362	17.696.762.954
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.943.326.756	54.509.232.656
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	36.131.626.504	45.447.820.404
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.811.700.252	9.061.412.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		593.094.630.535	550.929.041.319
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	593.094.630.535	550.929.041.319
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		198.737.225.616	157.824.904.656
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.060.918.581	70.807.650.325
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	70.807.650.325
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.060.918.581	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.059.363.147.697	904.749.873.792

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.580.861.351.721	1.490.904.601.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.580.861.351.721	1.490.904.601.908
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.338.011.635.346	1.258.007.325.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		242.849.716.375	232.897.276.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.761.839.918	32.490.637.004
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.638.101.316	4.522.377.395
Trong đó: chi phí lãi vay	23		503.814.945	1.025.856.761
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.236.949.367	34.939.347.268
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	68.877.484.257	65.406.997.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.859.021.353	160.519.191.493
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.936.667	2.134.779.398
12. Chi phí khác	32		23.403.870	37.850.080
13. Lợi nhuận khác	40		(16.467.203)	2.096.929.318
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.842.554.150	162.616.120.811
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	30.468.150.951	28.858.846.107
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>136.374.403.199</u>	<u>133.757.274.704</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166,842,554,150	162,616,120,811
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	24,986,299,848	23,657,211,817
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, 6	2,237,994,833	3,909,533,246
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25,741,678,480)	(32,983,532,165)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		168,828,904,275	158,225,143,752
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(184,380,911,203)	(124,461,517,113)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96,461,661,858	79,443,001,458
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,152,498,928)	(21,039,720,643)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(503,814,945)	(1,025,856,761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(31,584,210,458)	(27,015,576,438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(23,383,259,618)	(17,821,997,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24,176,781,904	42,787,950,135
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	557,480,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85,000,000,000)	(85,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78,000,000,000	39,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25,951,393,549	32,100,941,667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11,562,978,051	(29,590,313,654)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	25,000,000,000		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(7,249,712,000)		(7,249,712,000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70,090,002,183)		(32,910,925,428)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(52,339,714,183)</i>		<i>(40,160,637,428)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16,599,954,228)		(26,963,000,947)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61,612,071,652		88,575,025,881	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	81,021		46,718	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45,012,198,445		61,612,071,652	

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 288 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí thuê cơ sở hạ tầng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Công ty phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.993.298	75.769.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.999.205.147	13.536.301.993
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	33.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	45.012.198.445	61.612.071.652

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm, lãi suất từ 3,7% - 5,2%/năm	145.000.000.000	138.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 25.000.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng (xem thuyết minh tại V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	97.120.000.000 (10.505.345.486)	-	97.120.000.000 (8.371.059.115)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000 (10.505.345.486)	-	33.120.000.000 (8.371.059.115)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.479.480.000	-	26.479.480.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	11.812.500.000	-	11.812.500.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14.666.980.000	-	14.666.980.000	-
Cộng	145.039.480.000 (10.505.345.486)	-	145.039.480.000 (8.371.059.115)	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	2.295.200	51,00%	2.295.200	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.312.000	36,00%	3.312.000	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	5.400.000	36,00%	5.400.000	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	1.000.000	20,00%	1.000.000	20,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.094.743	-	3.094.743	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	1.237.500	3,64%	1.237.500	3,64%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	77.678.053.065	57.716.959.748
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	44.302.500.000	45.663.750.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên kết

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</i>		
Cổ tức được chia	218.646.223	362.338.414
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.686.309.384	4.083.109.563
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	48.562.224.419	66.060.826.994
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.048.608.000	3.148.992.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</i>		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	360.742.000	375.446.900
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	333.044.086.891	337.845.612.652
<i>Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn</i>		
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	347.434.966.386	318.915.964.969
Mua vật tư của Công ty liên kết	15.693.340.000	21.257.800.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	2.639.066.400	698.023.036
Cổ tức được chia	824.766.240	1.185.962.231

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>390.468.594.587</i>	<i>200.717.040.157</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	386.005.068.022	197.071.393.066
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.672.431.300	1.024.792.760
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.087.207.920	237.299.400
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	460.185.166	623.859.142
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	93.980.520	538.772.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	94.089.600	283.409.280
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	144.898.740	486.433.680
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	90.149.760	18.354.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	725.213.706	342.781.462
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	65.601.360	75.340.800
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	21.657.300	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	-	1.844.640
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	199.113	12.758.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	7.912.080	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>22.772.251.451</i>	<i>24.537.709.770</i>
Cộng	<u>413.240.846.038</u>	<u>225.254.749.927</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	1.024.716.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan	674.942.400	1.518.599.700
Các nhà cung cấp khác	683.587.512	435.401.700
Cộng	<u>2.383.245.912</u>	<u>1.954.001.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	247.320.000	-	494.365.056	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Phải thu khác	16.320.000	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi hộ	-	-	263.365.056	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.114.903.909	-	6.733.572.641	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.602.926.027	-	1.812.641.096	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	40.000.000	-	45.000.000	-
Tạm ứng	287.508.062	-	302.183.646	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	-	375.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	72.469.820	-	86.747.899	-
Cộng	6.362.223.909	-	7.227.937.697	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	-	30.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	-	-	2.000.000.000	-
Bà Bùi Thị Nở - Đặt cọc tiền thuê đất	300.000.000	-	300.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	17.661.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	8.316.000.000	-	8.316.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tincons	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Cộng	17.991.300.000	-	19.991.300.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu(*)	Trên 3 năm	2.376.686.073	(516.721.074)	786.644.103	(171.026.200)
	Từ 2-3 năm	-	-	1.590.041.970	(241.986.412)
Phải thu các tổ chức khác	Trên 3 năm	137.186.669	(137.186.669)	137.186.669	(137.186.669)
Cộng		2.513.872.742	(653.907.743)	2.513.872.742	(550.199.281)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu được trích lập sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	550.199.281	137.186.669
Trích lập dự phòng bổ sung	103.708.462	413.012.612
Số cuối năm	<u>653.907.743</u>	<u>550.199.281</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.096.217.340	12.916.648.263

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm	-	63.487.742
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	614.989.800	665.386.100
Chi phí bảo hiểm	776.169.289	775.124.067
Cộng	<u>1.391.159.089</u>	<u>1.503.997.909</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gạo	6.598.097.448	9.970.098.175
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhon Trạch	14.863.582.113	16.564.440.582
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cấp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy	645.161.336	1.100.195.056
Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL	1.194.121.088	1.084.737.244
Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	1.756.722.265	1.434.025.376
Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn	2.434.623.788	167.297.088
Chi phí sửa chữa cầu	4.093.823.231	-
Cộng	<u>31.586.131.269</u>	<u>30.320.793.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Công, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	273.249.176.123	537.825.555.902	9.323.285.831	2.512.306.509	80.000.000	11.653.706.879	834.644.031.244
Mua trong năm	-	-	972.627.273	73.884.540	-	407.455.556	1.453.967.369
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.133.464.073	-	-	140.231.000	-	-	3.273.695.073
Tăng theo quyết toán	83.333.333	90.000.000	-	-	-	60.185.185	233.518.518
Giảm do kết luận của thanh tra BTC	-	-	-	-	-	(276.529.113)	(276.529.113)
Số cuối năm	276.465.973.529	537.915.555.902	10.295.913.104	2.726.422.049	80.000.000	11.844.818.507	839.328.683.091

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

13.608.662.300	192.599.384.229	6.619.821.285	2.397.276.509	80.000.000	215.582.902	215.520.727.225
-	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	117.896.957.550	462.183.138.804	7.018.691.951	2.403.326.190	80.000.000	2.106.309.418	591.688.423.913
Khấu hao trong năm	11.375.427.978	11.358.640.890	676.680.418	80.469.237	-	2.203.646.513	25.694.865.036
Số cuối năm	129.272.385.528	473.541.779.694	7.695.372.369	2.483.795.427	80.000.000	4.309.955.931	617.383.288.949

Giá trị còn lại

Số đầu năm	155.352.218.573	75.642.417.098	2.304.593.880	108.980.319	-	9.547.397.461	242.955.607.331
Số cuối năm	147.193.588.001	64.373.776.208	2.600.540.735	242.626.622	-	7.534.862.576	221.945.394.142

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 68.286.894.050 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Số cuối năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.233.738.895	589.153.730	5.822.892.625
Khấu hao trong năm	705.672.660	39.999.996	745.672.656
Số cuối năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.757.943.496	111.075.270	22.869.018.766
Số cuối năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; có giá trị còn lại 22.052.270.836 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	288.000.000	1.485.283.110	(1.453.967.369)	319.315.741
Xây dựng cơ bản dở dang	2.668.427.324	3.694.093.083	(3.273.695.073)	3.088.825.334
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.808.239.341	87.384.138	-	1.895.623.479
Công trình Đường kết nối Bãi IMDG tại ICD TCNT	-	2.433.939.073	(2.433.939.073)	-
Các công trình khác	860.187.983	1.172.769.872	(839.756.000)	1.193.201.855
Cộng	2.956.427.324	5.179.376.193	(4.727.662.442)	3.408.141.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	218.333.638.683	152.708.265.163
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	15.874.920	25.923.240
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	19.947.820.777	11.834.236.546
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	35.357.000	244.129.731
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	29.691.170.956	20.641.457.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	8.801.507.909	5.163.866.468
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	50.447.070	56.552.040
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực STC	42.920.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	140.422.506.082	97.007.582.280
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	19.121.671.023	16.638.609.588
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	148.758.120	1.095.907.320
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	28.169.856	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	27.434.970	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	61.785.787.049	23.725.358.844
Cộng	280.119.425.732	176.433.624.007

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	22.624.351.095	(22.624.351.095)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.484.549.613	30.468.150.951	(31.584.210.458)	10.368.490.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.319.371.794	1.437.067.916	(1.478.536.220)	1.277.903.490
Thuế thu nhập cá nhân	187.214.420	6.835.966.857	(6.605.550.898)	417.630.379
Thuế môn bài	-	5.500.000	(5.500.000)	-
Thuế nhà thầu	-	113.706.818	(113.706.818)	-
Cộng	12.991.135.827	61.484.743.637	(62.411.855.489)	12.064.023.975

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.842.554.150	162.616.120.811
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.806.484.567	2.616.805.870
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.806.565.588	4.727.030.661
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	4.806.518.870	4.726.985.576
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	46.718	45.085
- Các khoản điều chỉnh giảm	(81.021)	(2.110.224.791)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền cuối năm nay</i>	(81.021)	(46.718)
<i>Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại năm trước</i>	-	(2.110.178.073)
Thu nhập chịu thuế	171.649.038.717	165.232.926.681
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(19.308.283.963)	(20.947.841.145)
Thu nhập tính thuế	152.340.754.754	144.285.085.536
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.468.150.951	28.857.017.107
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	1.829.000
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	30.468.150.951	28.858.846.107

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.680.217.982	18.322.814.365
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí thuê đất	3.372.386.322	472.582.400
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí xếp dỡ, nâng hạ	2.042.398.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	9.265.433.660	17.850.231.965
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.535.962.925	4.295.045.700
Chi phí lãi vay	22.884.171	-
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.269.994.996	1.190.188.350
Chi phí lưu bãi	3.243.083.758	3.104.857.350
Cộng	20.216.180.907	22.617.860.065

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	19.391.273.904	21.350.903.936
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	10.598.617.337	13.378.334.623
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	6.000.000.000	-
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	4.598.617.337	13.378.334.623
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	2.930.563.532	3.892.452.914
- <i>Thu chi hộ</i>	-	266.960.056
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh⁽ⁱ⁾</i>	1.500.000.000	-
- <i>Đặt cọc thuê văn phòng</i>	280.909.200	280.909.200
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh⁽ⁱ⁾</i>	1.149.654.332	3.344.583.658
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Phải trả về thu chi hộ	21.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	5.841.093.035	4.080.116.399
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.226.660.370	15.948.232.904
Kinh phí công đoàn	357.370.549	699.538.669
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	807.034.261	722.401.407
Cổ tức phải trả	6.349.573.989	6.279.515.215
Đặt cọc thuê văn phòng	100.000.000	283.806.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - lợi nhuận từ hợp tác liên doanh ⁽ⁱⁱ⁾	2.299.656.040	1.125.671.572
Công ty Hiệp Huy Hoàng – phải trả về hợp tác kinh doanh	-	4.922.483.282
Phải trả về thu hộ tiền cước container	2.391.772.510	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.921.253.021	1.914.816.659
Cộng	33.617.934.274	37.299.136.840

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	28.313.210.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	6.000.000.000
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh⁽ⁱ⁾</i>	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	1.500.000.000
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh⁽ⁱ⁾</i>	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.318.416.504	17.134.610.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.818.416.504	4.634.610.404
Cộng	36.131.626.504	45.447.820.404

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Tại thời điểm 31/12/2024, các bên đang hoàn tất các thủ tục để kết thúc hoạt động hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn (*)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn- Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.16b)	7.249.712.000	7.249.712.000
Cộng	32.249.712.000	7.249.712.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(*) Khoản vay theo Hợp đồng ngày 27/12/2024, số tiền vay là 25 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày nhận tiền vay lần đầu tiên. Lãi suất trong hạn là 5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay phát sinh	25.000.000.000	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay đã trả	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	32.249.712.000	7.249.712.000

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.811.700.252	9.061.412.252

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TPHCM. Tổng số tiền hợp đồng tín dụng là: 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2024 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.249.712.000	7.249.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.811.700.252	9.061.412.252
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>9.061.412.252</u>	<u>16.311.124.252</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.061.412.252	16.311.124.252
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	<u>1.811.700.252</u>	<u>9.061.412.252</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8.660.837.071	9.035.925.883	-	17.696.762.954
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	11.700.581.829	11.700.581.829	647.589.368	24.048.753.026
Tăng do Công ty mẹ cấp	70.480.000	-	-	70.480.000
Chi quỹ trong năm	(10.756.000.000)	(11.979.670.250)	(647.589.368)	(23.383.259.618)
Số cuối năm	<u>9.675.898.900</u>	<u>8.756.837.462</u>	<u>-</u>	<u>18.432.736.362</u>

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Năm 2023					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	117.697.722.245	67.950.359.046	507.944.567.629
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	133.757.274.704	133.757.274.704
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(67.278.359.046)	(67.278.359.046)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(772.000.000)	(772.000.000)
Điều chỉnh chia lãi liên doanh năm 2022	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	40.127.182.411	(62.949.624.379)	(22.822.441.968)
Số dư cuối năm	<u>301.584.360.000</u>	<u>20.712.126.338</u>	<u>157.824.904.656</u>	<u>70.807.650.325</u>	<u>550.929.041.319</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2024					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	157.824.904.656	70.807.650.325	550.929.041.319
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	136.374.403.199	136.374.403.199
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(70.160.060.957)	(70.160.060.957)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(647.589.368)	(647.589.368)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	(23.401.163.658)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	198.737.225.616	72.060.918.581	593.094.630.535

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 70.160.060.957
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	: 647.589.368
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 40.912.320.960
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện)	: 23.401.163.658

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	255.968.305.426	270.741.445.669
Doanh thu dịch vụ Depot	1.254.366.725.250	1.130.375.400.287
Doanh thu dịch vụ khác	70.526.321.045	89.787.755.952
Cộng	1.580.861.351.721	1.490.904.601.908

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	812.317.102.568	860.187.364.491
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.506.759.677	2.937.225.569
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.602.790.962	2.702.499.506
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.908.271.778	1.625.936.709
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	705.011.723	1.747.696.265
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	526.662.500	228.147.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	250.535.600	194.699.545
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	3.317.111.704	1.296.050.746
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	54.581.091	192.106.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.065.728.151	1.316.400.791
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	187.962.963	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	5.309.995.446	5.294.623.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	29.489.000	23.121.818

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.433.394.517	11.478.210.111
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.080.417	64.539.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.308.283.963	20.947.841.145
Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	81.021	46.718
Cộng	25.761.839.918	32.490.637.004

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	503.814.945	1.025.856.761
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.134.286.371	3.496.520.634
Cộng	2.638.101.316	4.522.377.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng dịch vụ	24.134.310.883	27.246.350.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.262.685.184	3.132.989.368
Các chi phí khác	2.839.953.300	4.560.007.841
Cộng	<u>30.236.949.367</u>	<u>34.939.347.268</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	37.247.366.573	35.423.482.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	848.818.637	1.038.461.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.975.855	709.723.133
Thuế, phí và lệ phí	410.071.027	114.151.891
Dự phòng phải thu khó đòi	103.708.462	413.012.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.256.715.821	7.950.675.840
Các chi phí khác	21.272.827.882	19.757.489.957
Cộng	<u>68.877.484.257</u>	<u>65.406.997.213</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	557.480.909
Tiền thu bồi thường tổn thất	1.963.377	1.558.718.789
Thu nhập khác	4.973.290	18.579.700
Cộng	<u>6.936.667</u>	<u>2.134.779.398</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.576.382.463	54.901.204.459
Chi phí nhân công	107.971.018.501	104.086.969.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	24.986.299.848	23.657.211.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.550.794.060	1.144.168.616.506
Chi phí khác	31.041.574.098	31.539.667.296
Cộng	<u>1.437.126.068.970</u>	<u>1.358.353.670.024</u>
(*) Tổng chi phí khấu hao trong năm (thuyết minh V.9, V.10)	26.440.537.692	25.111.449.661
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.454.237.844)	(1.454.237.844)
Chi phí khấu hao của Công ty	<u>24.986.299.848</u>	<u>23.657.211.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.450.126.107	1.487.321.024
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/Giám đốc	1.433.047.221	1.410.760.042
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	109.814.567	117.540.373
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	-	28.770.186
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	109.814.567	88.770.186
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	530.091.340	88.770.186
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	109.814.567	117.540.373
Ông Trần Văn Trường	Thành viên Ban Kiểm soát	675.642.157	635.221.551
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên Ban Kiểm soát	69.851.653	76.032.298
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	875.561.388	966.370.821
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	934.674.836	930.618.081
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	892.404.836	875.882.361
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	823.069.499	794.736.524
Cộng		<u>8.013.912.739</u>	<u>7.618.334.007</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của công ty mẹ	13.985.586.710	13.366.004.550
Chia cổ tức cho công ty mẹ	35.782.725.977	34.313.013.032
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng		
Chia doanh thu hợp tác kinh doanh	4.651.709.356	4.669.400.179
Chia chi phí hợp tác kinh doanh	3.111.261.737	3.148.834.604
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.217.500.000	4.554.000.000
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	264.627.000	432.160.380
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.841.429.000	8.142.111.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	40.037.834.325	39.145.451.819
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	4.084.623.599
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	138.848.600	133.705.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	229.156.000	174.790.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	334.234.049	159.082.168
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping	861.111	14.213.637
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	100.395.500	723.920.200
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	31.870.365	91.974.407
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	37.452.132.109	33.154.194.780
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	568.209.332	550.851.228
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	443.731.750	354.614.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



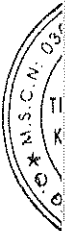
Lê Văn Cường

FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor’s Report	4 - 5
4. Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 37



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. During the course of operation, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date/re-appointing date</u>
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Appointed on 22 May 2020
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date</u>
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	15 June 2021
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	16 June 2022

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Executive Officers

Full name	Position	Appointing date/resigning date
Mr. Le Van Cuong	Director	Appointed on 26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	Appointed on 08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	Appointed on 30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	Appointed on 19 February 2024
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	Resigned on 07 November 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	Appointed on 19 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Company.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Financial Statements;
- prepare the Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 31 December 2024, the financial performance and the cash flows for the fiscal year then ended of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Le Van Cuong

25 February 2025

HI N
CÔN
NH
TOÁN
A
AI H
ĐA

No. 2.0108/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 25 February 2025, from page 06 to page 37, including the Balance Sheet as at 31 December 2024, the Income Statement, the Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

5-00
ANH
TY
HUU
A TU
C
NOI
TP.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 31 December 2024 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Company's Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 25 February 2025

Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		627,774,700,587	448,988,305,965
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	45,012,198,445	61,612,071,652
1. Cash	111		12,012,198,445	13,612,071,652
2. Cash equivalents	112		33,000,000,000	48,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		145,000,000,000	138,000,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	145,000,000,000	138,000,000,000
III. Short-term receivables	130		421,332,408,116	233,886,489,743
1. Short-term trade receivables	131	V.3	413,240,846,038	225,254,749,927
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	2,383,245,912	1,954,001,400
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	6,362,223,909	7,227,937,697
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(653,907,743)	(550,199,281)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		13,096,217,340	12,916,648,263
1. Inventories	141	V.7	13,096,217,340	12,916,648,263
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		3,333,876,686	2,573,096,307
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	1,391,159,089	1,503,997,909
2. Deductible VAT	152		1,942,717,597	1,069,098,398
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		431,588,447,110	455,761,567,827
I. Long-term receivables	210		17,991,300,000	19,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	17,991,300,000	19,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		244,068,740,252	265,824,626,097
1. Tangible fixed assets	221	V.9	221,945,394,142	242,955,607,331
<i>Historical costs</i>	222		839,328,683,091	834,644,031,244
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(617,383,288,949)	(591,688,423,913)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	22,123,346,110	22,869,018,766
<i>Historical costs</i>	228		28,691,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(6,568,565,281)	(5,822,892,625)
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.11	3,408,141,075	2,956,427,324
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		3,408,141,075	2,956,427,324
V. Long-term financial investments	250	V.2b	134,534,134,514	136,668,420,885
1. Investments in subsidiaries	251		21,440,000,000	21,440,000,000
2. Investments in joint ventures and associates	252		97,120,000,000	97,120,000,000
3. Investments in other entities	253		26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		(10,505,345,486)	(8,371,059,115)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		31,586,131,269	30,320,793,521
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	31,586,131,269	30,320,793,521
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,059,363,147,697	904,749,873,792



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		466,268,517,162	353,820,832,473
I. Current liabilities	310		428,325,190,406	299,311,599,817
1. Short-term trade payables	311	V.12	280,119,425,732	176,433,624,007
2. Short-term advances from customers	312		507,226,395	332,767,062
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	12,064,023,975	12,991,135,827
4. Payables to employees	314		31,117,950,761	24,690,601,062
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	20,216,180,907	22,617,860,065
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15a	33,617,934,274	37,299,136,840
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.16a	32,249,712,000	7,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	18,432,736,362	17,696,762,954
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		37,943,326,756	54,509,232,656
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.15b	36,131,626,504	45,447,820,404
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.16b	1,811,700,252	9,061,412,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		593,094,630,535	550,929,041,319
I. Owner's equity	410	V.18	593,094,630,535	550,929,041,319
1. Owner's contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		198,737,225,616	157,824,904,656
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		72,060,918,581	70,807,650,325
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		-	70,807,650,325
- Retained earnings of the current period	421b		72,060,918,581	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,059,363,147,697	904,749,873,792

Prepared on 25 February 2025

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	1,580,861,351,721	1,490,904,601,908
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,580,861,351,721	1,490,904,601,908
4. Costs of sales	11	VI.2	1,338,011,635,346	1,258,007,325,543
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		242,849,716,375	232,897,276,365
6. Financial income	21	VI.3	25,761,839,918	32,490,637,004
7. Financial expenses	22	VI.4	2,638,101,316	4,522,377,395
In which: Interest expenses	23		503,814,945	1,025,856,761
8. Selling expenses	25	VI.5	30,236,949,367	34,939,347,268
9. General and administration expenses	26	VI.6	68,877,484,257	65,406,997,213
10. Net operating profit/ (loss)	30		166,859,021,353	160,519,191,493
11. Other income	31	VI.7	6,936,667	2,134,779,398
12. Other expenses	32		23,403,870	37,850,080
13. Other profit/ (loss)	40		(16,467,203)	2,096,929,318
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		166,842,554,150	162,616,120,811
15. Current income tax	51	V.13	30,468,150,951	28,858,846,107
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/ (loss) after tax	60		<u>136,374,403,199</u>	<u>133,757,274,704</u>
18. Basic earnings per share	70	VI.8	-	-
19. Diluted earnings per share	71	VI.8	-	-

Prepared on 25 February 2025

Prepared by

Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant

Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		166,842,554,150	162,616,120,811
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	V.9, 10	24,986,299,848	23,657,211,817
- Provisions and allowances	03	VI.4, 6	2,237,994,833	3,909,533,246
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(25,741,678,480)	(32,983,532,165)
- Interest expenses	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		168,828,904,275	158,225,143,752
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(184,380,911,203)	(124,461,517,113)
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Increase/ (decrease) of payables	11		96,461,661,858	79,443,001,458
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(1,152,498,928)	(21,039,720,643)
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(503,814,945)	(1,025,856,761)
- Corporate income tax paid	15	V.13	(31,584,210,458)	(27,015,576,438)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(23,383,259,618)	(17,821,997,750)
Net cash flows from operating activities	20		24,176,781,904	42,787,950,135
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	557,480,909
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(85,000,000,000)	(85,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		78,000,000,000	39,000,000,000
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		25,951,393,549	32,100,941,667
Net cash flows from investing activities	30		11,562,978,051	(29,590,313,654)

statement should be read in conjunction with the Notes to the Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	25,000,000,000	-
4. Repayment for loan principal	34	V.16	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(70,090,002,183)	(32,910,925,428)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(52,339,714,183)</u>	<u>(40,160,637,428)</u>
Net cash flows during the year	50		(16,599,954,228)	(26,963,000,947)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	61,612,071,652	88,575,025,881
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61	VI.3	81,021	46,718
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>45,012,198,445</u>	<u>61,612,071,652</u>

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Company

Subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Phu Thanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary is seaport service. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 51%, the voting rate and the benefit rate were equivalent to the contribution rate.

Associates

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai 2, Hai An, Hai Phong	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	20.00%	20.00%	20.00%

6. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 288 employees working for the Company (at the beginning of the year: 294 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

3. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits in bank for the purpose of earning periodical interest.

Interest income from term deposits in bank is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Investments in subsidiaries, associates

Subsidiaries

Subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is obtained when the Company achieves the ability to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

Associates

An associate is an entity which the Company has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Initial recognition

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. If the Company contributes capital by non-monetary assets, costs of the investment are recognized at the fair value of the non-monetary assets at the time of occurrence.

Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates are made when the subsidiaries, associates suffer from losses, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in the subsidiaries, associates. If the subsidiaries, associates are parent companies and have their own Consolidated Financial Statements, provision for impairment loss will be made based on their Consolidated Financial Statements.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Company to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

5. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For materials: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Company mainly include expenses related to warehouses, yards such as land rental, warehouse and yard construction costs, infrastructure rental and expenses for fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental already prepaid for the land being used by the Company and is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are allocated to expenses in the year using the straight-line method over the warehouse and yard lease term of 05 years.

Infrastructure rental

Infrastructure rental is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

7. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	5 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 – 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 – 8

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed assets include:

2 - C.T.
HAN
VAN
TA MO

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Company directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method in 03 years.

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Company) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

11. Business cooperation contract (“BCC”)

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Company shall recognize in its Financial Statements:

- the assets that the Company controls.
- the liabilities that the Company incurs.
- the revenue that the Company earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture.
- the expenses that the Company incurs.

12. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

13. Owner’s equity

Owner’s contribution capital

Owner’s contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

14. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

15. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Company has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

16. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

17. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

18. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

19. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

20. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	12,993,298	75,769,659
Demand deposits in banks	11,999,205,147	13,536,301,993
Cash equivalents (<i>Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months</i>)	33,000,000,000	48,000,000,000
Total	<u>45,012,198,445</u>	<u>61,612,071,652</u>

2. Financial investments

2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits in bank with the term from 6 months to 1 year, the interest rates ranging from 3.7% to 5.2% per year	145,000,000,000	138,000,000,000

As of the balance sheet date, the term deposit at Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) of VND 25,000,000,000 was blocked to secure the loan at the same Bank (Note V.16).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

2b. Investments in other entities

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
<i>Investments in subsidiaries</i>	21,440,000,000	-	21,440,000,000	-
Dong Nai Newport Logistics JSC.	21,440,000,000	-	21,440,000,000	-
<i>Investments in associates</i>	97,120,000,000	(10,505,345,486)	97,120,000,000	(8,371,059,115)
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	33,120,000,000	(10,505,345,486)	33,120,000,000	(8,371,059,115)
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	-	54,000,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
<i>Investments in other entities</i>	26,479,480,000	-	26,479,480,000	-
Cat Lai Port JSC.	11,812,500,000	-	11,812,500,000	-
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)	14,666,980,000	-	14,666,980,000	-
Total	145,039,480,000	(10,505,345,486)	145,039,480,000	(8,371,059,115)

The number of shares held and the Company's ownership rates in the entities are as follows:

Name	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Ownership rate	Number of shares	Ownership rate
Dong Nai Newport Logistics JSC.	2,295,200	51.00%	2,295,200	51.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	3,312,000	36.00%	3,312,000	36.00%
Tan Cang Ben Thanh Corporation	5,400,000	36.00%	5,400,000	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,000,000	20.00%	1,000,000	20.00%
MBBank	3,094,743		3,094,743	
Cat Lai Port JSC.	1,237,500	3.64%	1,237,500	3.64%

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date, details are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
MBBank	77,678,053,065	57,716,959,748
Cat Lai Port JSC.	44,302,500,000	45,663,750,000

The Company has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

Operation of subsidiaries, associates

The subsidiary and the associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)*Transactions with subsidiaries and associates*

Significant transactions between the Company and its subsidiary and associates are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Dong Nai Newport Logistics JSC.</i>		
Dividends receivable	218,646,223	362,338,414
Rendering of services to the subsidiary	1,686,309,384	4,083,109,563
Using services of the subsidiary	48,562,224,419	66,060,826,994
<i>Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.</i>		
Rendering of services to the associate	1,048,608,000	3,148,992,000
<i>Tan Cang Ben Thanh Corporation</i>		
Dividends receivable	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	360,742,000	375,446,900
Using services of the associate	333,044,086,891	337,845,612,652
<i>Cat Lai – Eastern Saigon JSC.</i>		
Using services of the associate	347,434,966,386	318,915,964,969
Acquisition of materials of the associate	15,693,340,000	21,257,800,000
Rendering of services to the associate	2,639,066,400	698,023,036
Dividends receivable	824,766,240	1,185,962,231

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	390,468,594,587	200,717,040,157
Tan Cang Warehousing JSC.	386,005,068,022	197,071,393,066
Tan Cang Overland Transport JSC.	1,672,431,300	1,024,792,760
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,087,207,920	237,299,400
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	460,185,166	623,859,142
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	93,980,520	538,772,600
Phu Huu – Newport Corporation	94,089,600	283,409,280
Tan Cang Hiep Luc JSC.	144,898,740	486,433,680
Tan Cang Container Services JSC.	90,149,760	18,354,600
Tan Cang Ben Thanh Corporation	725,213,706	342,781,462
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	65,601,360	75,340,800
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	21,657,300	-
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	-	1,844,640
Tan Cang Maritime Services JSC.	199,113	12,758,727
	7,912,080	-
<i>Receivables from other customers</i>	22,772,251,451	24,537,709,770
Total	413,240,846,038	225,254,749,927

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	1,024,716,000	-
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.	674,942,400	1,518,599,700
Other suppliers	683,587,512	435,401,700
Total	2,383,245,912	1,954,001,400

002
NH
CY
HUU
TU
P. H.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

5. Other receivables

5a. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	247,320,000	-	494,365,056	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	231,000,000	-	231,000,000	-
- deposit for hiring yards				
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	16,320,000	-	-	-
- Other receivables				
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Payments on behalf	-	-	263,365,056	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	6,114,903,909	-	6,733,572,641	-
Eastern Saigon Logistics JSC. – Deposit for using services	4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Accrued interest income of term deposits	1,602,926,027	-	1,812,641,096	-
Deposits	40,000,000	-	45,000,000	-
Advances	287,508,062	-	302,183,646	-
Hiep Huy Hoang One Member Co., Ltd. – BCC capital contribution	-	-	375,000,000	-
Other short-term receivables	72,469,820	-	86,747,899	-
Total	6,362,223,909	-	7,227,937,697	-

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposit for water supply	30,000,000	-	30,000,000	-
Deposit for TCL office lease	-	-	2,000,000,000	-
Ms. Bui Thi No – Deposit for land rental	300,000,000	-	300,000,000	-
Deposit for hiring yards	17,661,300,000	-	17,661,300,000	-
<i>Construction Investment JSC. No. 14</i>	8,316,000,000	-	8,316,000,000	-
<i>Quang Minh Investment Construction Transport JSC.</i>	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
<i>Tincons Co., Ltd.</i>	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Total	17,991,300,000	-	19,991,300,000	-

6. Allowance for short-term doubtful debts

	Overdue period	Ending balance		Beginning balance	
		Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Global Fertilizer Investment JSC. (*)	Over 3 years	2,376,686,073	(516,721,074)	786,644,103	(171,026,200)
	From 2 to 3 years	-	-	1,590,041,970	(241,986,412)
Receivable from other organizations	Over 3 years	137,186,669	(137,186,669)	137,186,669	(137,186,669)
Total		2,513,872,742	(653,907,743)	2,513,872,742	(550,199,281)

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

- (*) Allowance for doubtful debts of Global Fertilizer Investment JSC. is made after being offset against payables.

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	550,199,281	137,186,669
Additional allowance	103,708,462	413,012,612
Ending balance	<u>653,907,743</u>	<u>550,199,281</u>

7. Inventories

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Materials and supplies in stock	13,096,217,340	12,916,648,263

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for software	-	63,487,742
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	614,989,800	665,386,100
Insurance premiums	776,169,289	775,124,067
Total	<u>1,391,159,089</u>	<u>1,503,997,909</u>

8b. Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	6,598,097,448	9,970,098,175
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	14,863,582,113	16,564,440,582
Expenses for repairs, renovation of Tan Cang My Thuy power supply line	645,161,336	1,100,195,056
Expenses for construction, interior repairs, and equipment installation at TCL building	1,194,121,088	1,084,737,244
Expenses for construction, upgrading at Depot Tan Cang My Thuy 2	1,756,722,265	1,434,025,376
Expenses for construction at Depot Tan Cang Tan Van	2,434,623,788	167,297,088
Expenses for crane repairs	4,093,823,231	-
Total	<u>31,586,131,269</u>	<u>30,320,793,521</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
Historical costs							
Beginning balance	273,249,176,123	537,825,555,902	9,323,285,831	2,512,306,509	80,000,000	11,653,706,879	834,644,031,244
New acquisition	-	-	972,627,273	73,884,540	-	407,455,556	1,453,967,369
Completed construction	3,133,464,073	-	-	140,231,000	-	-	3,273,695,073
Increase due to finalization	83,333,333	90,000,000	-	-	-	60,185,185	233,518,518
Decrease due to conclusion of MOF's Inspector	-	-	-	-	-	(276,529,113)	(276,529,113)
Ending balance	276,465,973,529	537,915,555,902	10,295,913,104	2,726,422,049	80,000,000	11,844,818,507	839,328,683,091
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	13,608,662,300	192,599,384,229	6,619,821,285	2,397,276,509	80,000,000	215,582,902	215,520,727,225
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
Depreciation							
Beginning balance	117,896,957,550	462,183,138,804	7,018,691,951	2,403,326,190	80,000,000	2,106,309,418	591,688,423,913
Depreciation during the year	11,375,427,978	11,358,640,890	676,680,418	80,469,237	-	2,203,646,513	25,694,865,036
Ending balance	129,272,385,528	473,541,779,694	7,695,372,369	2,483,795,427	80,000,000	4,309,955,931	617,383,288,949
Net book value							
Beginning balance	155,352,218,573	75,642,417,098	2,304,593,880	108,980,319	-	9,547,397,461	242,955,607,331
Ending balance	147,193,588,001	64,373,776,208	2,600,540,735	242,626,622	-	7,534,862,576	221,945,394,142
<i>In which:</i>							
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 68,286,894,050 have been pledged as collateral for the Company's loan at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) – Saigon Branch.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

10. Intangible fixed assets

	Land use right ^(*)	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
Ending balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
Amortization			
Beginning balance	5,233,738,895	589,153,730	5,822,892,625
Amortization during the year	705,672,660	39,999,996	745,672,656
Ending balance	5,939,411,555	629,153,726	6,568,565,281
Net book value			
Beginning balance	22,757,943,496	111,075,270	22,869,018,766
Ending balance	22,052,270,836	71,075,274	22,123,346,110
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

- (*) This is the land use right in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with the term of use until 30 August 2055; the net book value of VND 22,052,270,836 which has been pledged as collateral at VIB - Saigon Branch.

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Ending balance
Acquisition of fixed assets	288,000,000	1,485,283,110	(1,453,967,369)	319,315,741
Construction-in-progress	2,668,427,324	3,694,093,083	(3,273,695,073)	3,088,825,334
<i>Project of relocation of petroleum warehouse of region 2</i>	1,808,239,341	87,384,138	-	1,895,623,479
<i>Project of road connecting IMDG yard in ICD TCNT</i>	-	2,433,939,073	(2,433,939,073)	-
<i>Other projects</i>	860,187,983	1,172,769,872	(839,756,000)	1,193,201,855
Total	2,956,427,324	5,179,376,193	(4,727,662,442)	3,408,141,075

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**12. Short-term trade payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	218,333,638,683	152,708,265,163
Phu Huu – Newport Corporation	15,874,920	25,923,240
Tan Cang Container Services JSC.	19,947,820,777	11,834,236,546
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	35,357,000	244,129,731
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	29,691,170,956	20,641,457,950
Tan Cang Technical Services JSC.	8,801,507,909	5,163,866,468
Tan Cang Warehousing JSC.	50,447,070	56,552,040
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,920,000	-
Tan Cang Ben Thanh Corporation	140,422,506,082	97,007,582,280
Dong Nai Newport Logistics JSC.	19,121,671,023	16,638,609,588
Tan Cang Waterway Transport JSC.	148,758,120	1,095,907,320
Tan Cang Hiep Luc JSC.	28,169,856	-
Tan Cang Overland Transport JSC.	27,434,970	-
<i>Payables to other suppliers</i>	61,785,787,049	23,725,358,844
Total	<u>280,119,425,732</u>	<u>176,433,624,007</u>

The Company has no overdue trade payables.

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>	<u>Amount payable during the year</u>	<u>Amount already paid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
VAT on local sales	-	22,624,351,095	(22,624,351,095)	-
Corporate income tax	11,484,549,613	30,468,150,951	(31,584,210,458)	10,368,490,106
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,319,371,794	1,437,067,916	(1,478,536,220)	1,277,903,490
Personal income tax	187,214,420	6,835,966,857	(6,605,550,898)	417,630,379
License duty	-	5,500,000	(5,500,000)	-
Foreign contractor tax (FCT)	-	113,706,818	(113,706,818)	-
Total	<u>12,991,135,827</u>	<u>61,484,743,637</u>	<u>(62,411,855,489)</u>	<u>12,064,023,975</u>

Value added tax (VAT)

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Estimated CIT payable during the year is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	166,842,554,150	162,616,120,811
Increases/(decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- Increases	4,806,484,567	2,616,805,870
<i>Non-deductible expenses</i>	4,806,565,588	4,727,030,661
<i>Exchange gain due to the revaluation of cash in the previous year which is realized in the current year</i>	4,806,518,870	4,726,985,576
	46,718	45,085
- Decreases	(81,021)	(2,110,224,791)
<i>Exchange gain due to the revaluation of cash at the end of the current year</i>	(81,021)	(46,718)
<i>Temporary differences of the previous year with unrecognized deferred income tax</i>	-	(2,110,178,073)
Income subject to tax	171,649,038,717	165,232,926,681
Income exempted from tax (income from dividends)	(19,308,283,963)	(20,947,841,145)
Total taxable income	152,340,754,754	144,285,085,536
CIT rate	20%	20%
CIT payable	30,468,150,951	28,857,017,107
<i>Adjustments of CIT of the previous years</i>	-	1,829,000
Total CIT to be paid	30,468,150,951	28,858,846,107

The determination of corporate income tax liability of the Company is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Other taxes

The Company declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	14,680,217,982	18,322,814,365
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Land rental	3,372,386,322	472,582,400
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Expenses for loading and unloading, lifting on and lifting off	2,042,398,000	-
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
- Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	9,265,433,660	17,850,231,965
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	5,535,962,925	4,295,045,700
Loan interest expenses	22,884,171	-
Expenses for transportation, loading and unloading	2,269,994,996	1,190,188,350
Expenses for yard storage	3,243,083,758	3,104,857,350
Total	20,216,180,907	22,617,860,065

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

15. Other payables**15a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	19,391,273,904	21,350,903,936
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	10,598,617,337	13,378,334,623
- BCC contribution capital	6,000,000,000	-
- Payable for profit distributed from BCC results	4,598,617,337	13,378,334,623
Dong Nai Newport Logistics JSC.	2,930,563,532	3,892,452,914
- Receipts and payments on behalf	-	266,960,056
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	1,500,000,000	-
- Deposit for hiring office	280,909,200	280,909,200
- Payable for profit distributed from BCC results ⁽ⁱ⁾	1,149,654,332	3,344,583,658
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	21,000,000	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	5,841,093,035	4,080,116,399
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	14,226,660,370	15,948,232,904
Trade Union's expenditure	357,370,549	699,538,669
Social insurance premiums, health insurance premiums	807,034,261	722,401,407
Dividends payable	6,349,573,989	6,279,515,215
Deposit received for office rental	100,000,000	283,806,100
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	2,299,656,040	1,125,671,572
Hiep Huy Hoang Company – payable for BCC	-	4,922,483,282
Payable for container deposit received on behalf	2,391,772,510	-
Other short-term payables	1,921,253,021	1,914,816,659
Total	<u>33,617,934,274</u>	<u>37,299,136,840</u>

15b. Other long-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	20,813,210,000	28,313,210,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	6,000,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	-	-
Dong Nai Newport Logistics JSC.	-	1,500,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	-	-
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	63,210,000	63,210,000
- Deposit received for office rental	-	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – Deposit received for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	15,318,416,504	17,134,610,404
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	12,500,000,000	12,500,000,000
Long-term deposits received	2,818,416,504	4,634,610,404
Total	<u>36,131,626,504</u>	<u>45,447,820,404</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Additional information on Business Cooperation Contracts ("BCC"):

- (i) According to BCC No. 490/HD-GNVT-KHKD dated 30 May 2014, the Agreement Minutes of Capital Increase dated 25 May 2016 and additional agreements on business cooperation in exploiting container yards and services related to loading and unloading imo goods container and container tank at Depot 6 - Cat Lai Port, three participating parties are as follows: The Company contributes VND 7,500,000,000 equivalent to 50%; Tan Cang Ben Thanh Corporation contributes VND 6,000,000,000 equivalent to 40%; and Dong Nai Newport Logistics JSC. contributes VND 1,500,000,000 equivalent to 10%. As at 31 December 2024, the parties were completing the procedures for termination of this business cooperation.
- (ii) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in My Thanh Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Investment, Union One Logistics and Trade Investment JSC. (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. The Company is the representative of the BCC. The term of contract is 50 years.

15c. Overdue debts

The Company has no other overdue payables.

16. Borrowings

16a. Short-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB") - Head Office – Short-term loans ^(*)	25,000,000,000	-
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") – Saigon Branch - Current portions of long-term loans (Note V.16b)	7,249,712,000	7,249,712,000
Total	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

The Company has solvency to repay short-term loans.

^(*) This is the loan arising from the Agreement dated 27 December 2024 with the amount of VND 25 billion to supplement working capital serving production and business activities, the loan term is 3 months starting from the day after the first disbursement date. The in-due interest rate is 5% per year. Collateral is all balances including principal and interest arising from term deposits at the same Bank.

Details of increase/ (decrease) of short-term borrowings during the year are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans incurred	25,000,000,000	-
Transfer from long-term borrowings	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans repaid	<u>(7,249,712,000)</u>	<u>(7,249,712,000)</u>
Ending balance	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

16b. Long-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
VIB - Saigon Branch	1,811,700,252	9,061,412,252

The Company has solvency to repay long-term loans.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

This is the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City. Total Credit Agreement amount is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15th month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2024 was 7 - 8% per year). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Payment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	7,249,712,000	7,249,712,000
Over 1 year to 5 years	1,811,700,252	9,061,412,252
Over 5 years	-	-
Total	<u>9,061,412,252</u>	<u>16,311,124,252</u>

Details of increase/ (decrease) of long-term borrowings are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	9,061,412,252	16,311,124,252
Transfer to short-term loans	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
Ending balance	<u>1,811,700,252</u>	<u>9,061,412,252</u>

17. Bonus and welfare funds

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Bonus fund for the Executive Officers</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	8,660,837,071	9,035,925,883	-	17,696,762,954
Increase due to appropriation from profit	11,700,581,829	11,700,581,829	647,589,368	24,048,753,026
Increase due to allocation from the Parent Company	70,480,000	-	-	70,480,000
Disbursement in the year	(10,756,000,000)	(11,979,670,250)	(647,589,368)	(23,383,259,618)
Ending balance	<u>9,675,898,900</u>	<u>8,756,837,462</u>	<u>-</u>	<u>18,432,736,362</u>

18. Owner's equity

18a. Statement on changes in owner's equity

	<u>Owner's contribution capital</u>	<u>Share premiums</u>	<u>Investment and development fund</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
<i>For the year 2023</i>					
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	117,697,722,245	67,950,359,046	507,944,567,629
Profit of the year	-	-	-	133,757,274,704	133,757,274,704
Dividends declared from profit of 2022	-	-	-	(67,278,359,046)	(67,278,359,046)
Appropriation for funds from profit of 2022	-	-	-	(772,000,000)	(772,000,000)
Adjustment of BCC profit distribution of 2022	-	-	-	100,000,000	100,000,000
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	40,127,182,411	(62,949,624,379)	(22,822,441,968)
Ending balance	<u>301,584,360,000</u>	<u>20,712,126,338</u>	<u>157,824,904,656</u>	<u>70,807,650,325</u>	<u>550,929,041,319</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Total
<i>For the year 2024</i>					
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	157,824,904,656	70,807,650,325	550,929,041,319
Profit of the year	-	-	-	136,374,403,199	136,374,403,199
Dividends declared from profit of 2023	-	-	-	(70,160,060,957)	(70,160,060,957)
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	(647,589,368)	(647,589,368)
Appropriation for funds from profit of 2024	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	(23,401,163,658)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	198,737,225,616	72,060,918,581	593,094,630,535

18b. Details of owner's capital contribution

	Ending balance	Beginning balance
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	301,584,360,000	301,584,360,000

18c. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No.453/NQ-DHDCDTN.2024 dated 6 June 2024 as follows:

	VND
Distribution of profit after tax of 2023	
• Dividends declared to shareholders	: 70,160,060,957
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 647,589,368
Temporary distribution of profit after tax of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (30% of profit after tax)	: 40,912,320,960
• Appropriation for bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)	: 23,401,163,658

19. Off-Balance Sheet items

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 65.34 (the beginning balance was USD 65.34).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	255,968,305,426	270,741,445,669
Revenue from depot services	1,254,366,725,250	1,130,375,400,287
Revenue from other services	70,526,321,045	89,787,755,952
Total	<u>1,580,861,351,721</u>	<u>1,490,904,601,908</u>

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Besides transactions of rendering of services to the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b, the Company also has transactions of rendering of services to related parties which are neither the subsidiary nor the associates as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	812,317,102,568	860,187,364,491
Tan Cang Warehousing JSC.	3,506,759,677	2,937,225,569
Tan Cang Overland Transport JSC.	3,602,790,962	2,702,499,506
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,908,271,778	1,625,936,709
Phu Huu – Newport Corporation	705,011,723	1,747,696,265
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	526,662,500	228,147,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	250,535,600	194,699,545
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	3,317,111,704	1,296,050,746
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	54,581,091	192,106,364
Tan Cang Container Services JSC.	1,065,728,151	1,316,400,791
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	187,962,963	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	5,309,995,446	5,294,623,080
Tan Cang Maritime Services JSC.	29,489,000	23,121,818

2. Costs of sales

This is the cost of services rendered in the year.

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from term deposits	6,433,394,517	11,478,210,111
Interest from demand deposits	20,080,417	64,539,030
Dividends and profit received	19,308,283,963	20,947,841,145
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	81,021	46,718
Total	<u>25,761,839,918</u>	<u>32,490,637,004</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	503,814,945	1,025,856,761
Provisions for diminution in value of financial investments	2,134,286,371	3,496,520,634
Total	<u>2,638,101,316</u>	<u>4,522,377,395</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**5. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Commission expenses	24,134,310,883	27,246,350,059
Expenses for external services	3,262,685,184	3,132,989,368
Other expenses	2,839,953,300	4,560,007,841
Total	<u>30,236,949,367</u>	<u>34,939,347,268</u>

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	37,247,366,573	35,423,482,129
Office supplies	848,818,637	1,038,461,651
Depreciation/amortization of fixed assets	737,975,855	709,723,133
Taxes, fees and legal fees	410,071,027	114,151,891
Allowance for doubtful debts	103,708,462	413,012,612
Expenses for external services	8,256,715,821	7,950,675,840
Other expenses	21,272,827,882	19,757,489,957
Total	<u>68,877,484,257</u>	<u>65,406,997,213</u>

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	-	557,480,909
Proceeds from damage compensation	1,963,377	1,558,718,789
Other income	4,973,290	18,579,700
Total	<u>6,936,667</u>	<u>2,134,779,398</u>

8. Earnings per share ("EPS")

The information of EPS is presented in the Consolidated Financial Statements.

9. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	46,576,382,463	54,901,204,459
Labor costs	107,971,018,501	104,086,969,946
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	24,986,299,848	23,657,211,817
Expenses for external services	1,226,550,794,060	1,144,168,616,506
Other expenses	31,041,574,098	31,539,667,296
Total	<u>1,437,126,068,970</u>	<u>1,358,353,670,024</u>

(*) Total depreciation expenses in the year
(Notes V.9, V.10)

Depreciation expenses allocated to BCC's party	<u>(1,454,237,844)</u>	<u>(1,454,237,844)</u>
Depreciation expenses of the Company	<u>24,986,299,848</u>	<u>23,657,211,817</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

VII. OTHER DISCLOSURES

1. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management (BOM) and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions, receivables from and payables to key managers and their related individuals

The Company has no transactions or receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

Compensation of the key managers

		<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,450,126,107	1,487,321,024
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,433,047,221	1,410,760,042
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	109,814,567	117,540,373
Mr. Nguyen Xuan Binh	BOD Member	-	28,770,186
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	109,814,567	88,770,186
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	530,091,340	88,770,186
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	109,814,567	117,540,373
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	675,642,157	635,221,551
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	69,851,653	76,032,298
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	875,561,388	966,370,821
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	934,674,836	930,618,081
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	892,404,836	875,882,361
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	823,069,499	794,736,524
Total		<u>8,013,912,739</u>	<u>7,618,334,007</u>

1b. Transactions and balances with the related parties

Other related parties of the Company during the year include:

<u>Name</u>	<u>Relationship</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Parent Company
Dong Nai Newport Logistics JSC.	Subsidiary
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	Associate
Tan Cang Construction JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang Song Than JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Warehousing JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang – Long Binh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Overland Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Waterway Transport JSC.	Company in the same Group

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Name	Relationship
Tan Cang Technical Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Cai Mep JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Company in the same Group
Phu Huu – Newport Corporation	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Luc JSC.	Company in the same Group
Cat Lai Port JSC.	Company in the same Group
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Container Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	Company in the same Group

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b as well as transactions of rendering of services to other related parties which are neither the subsidiary nor the associates as presented in Note VI.1b, the Company also has other significant transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
<i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>		
Using services rendered by the Parent Company	13,985,586,710	13,366,004,550
Dividends payable to the Parent Company	35,782,725,977	34,313,013,032
<i>Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company</i>		
Allocating BCC's revenue	4,651,709,356	4,669,400,179
Allocating BCC's expenses	3,111,261,737	3,148,834,604
<i>Cat Lai Port JSC.</i>		
Dividends receivable	3,217,500,000	4,554,000,000
<i>Using services rendered by the related parties</i>		
Tan Cang Overland Transport JSC.	264,627,000	432,160,380
Tan Cang Waterway Transport JSC.	3,841,429,000	8,142,111,550
Tan Cang Technical Services JSC.	40,037,834,325	39,145,451,819
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	-	4,084,623,599
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	138,848,600	133,705,000
Phu Huu – Newport Corporation	229,156,000	174,790,000
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	334,234,049	159,082,168
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	861,111	14,213,637
Tan Cang Hiep Luc JSC.	100,395,500	723,920,200
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	31,870,365	91,974,407
Tan Cang Container Services JSC.	37,452,132,109	33,154,194,780
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	568,209,332	550,851,228
Tan Cang Warehousing JSC.	443,731,750	354,614,000

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Receivables from and payables to other related parties

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The Company only operates in the field of providing transportation, forwarding, loading and unloading services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Company does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Financial Statements.

Prepared on 25 February 2025

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong